



**BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG
VỀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**

SỔ TAY

TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU

**(Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Đê điều
và các văn bản hướng dẫn thi hành luật)**



BAN CHỈ ĐẠO TW VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Trụ sở: Nhà A4, số 2 Ngọc Hà, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 0243 7335697 / **Fax:** 0243 7335701

Email: pctvietnam@mard.gov.vn

phongchongthientai.vn



MỤC LỤC

PHẦN I: TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU 03

- 1. Trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 06
- 2. Trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện 14
- 3. Trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã 21

PHẦN II: TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ LỰC LƯỢNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐỀ 29

- 1. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong công tác phòng, chống thiên tai 30
- 2. Nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp quản lý đề điều trong quản lý, bảo vệ đề điều và hộ đề 32
 - 2.1. Nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách quản lý đề 32
 - 2.2. Nhiệm vụ của lực lượng quản lý đề nhân dân 34
- 3. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và đề điều 36
 - 3.1. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và đề điều 36
 - 3.2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả 36
 - 3.3. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đề điều, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả 41

PHẦN I **TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH UBND CÁC CẤP TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU**



Trách nhiệm, nhiệm vụ của UBND, chủ tịch UBND các cấp trong công tác Phòng chống thiên tai và Quản lý đề điều được quy định tại:

1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
2. Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;
3. Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai (thay thế Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai);
4. Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

5. Nghị định 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều;
6. Quyết định 46/2014/QĐ-TTg ngày 15/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
7. Thông tư 26/2009/TT-BNN ngày 11/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn về cơ cấu tổ chức, nguồn kinh phí và chế độ thù lao đối với lực lượng quản lý đề nhân dân;
8. Thông tư 01/2009/TT-BNN ngày 06/01/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Hướng dẫn tuần tra, canh gác, bảo vệ đề điều trong mùa mưa lũ.
9. Các văn bản liên quan khác.



1. TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH

Theo khoản 2, Điều 20, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh là Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh

1.1. TRONG PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng và triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống thiên tai.

2. Tổ chức huấn luyện, đào tạo, diễn tập, tập huấn cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp tỉnh; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống phát thanh, truyền hình, truyền thông và hệ thống truyền tin khác để thu thập, truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

4. Chỉ đạo, đôn đốc việc xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa

phương gửi về Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT và Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN để theo dõi và phối hợp chỉ đạo thực hiện; chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức tập huấn, diễn tập theo phương án được duyệt.

5. Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai theo thẩm quyền.

6. Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh để giúp UBND chỉ huy và tổ chức công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc thành lập bộ phận chuyên trách thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

7. Tập trung nguồn nhân lực, trang thiết bị, xây dựng công cụ hỗ trợ cho Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; kết nối trực tuyến với cơ quan phòng, chống thiên tai Trung ương và các cấp ở địa phương phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy điều hành phòng, chống thiên tai.



8. Lập kế hoạch xây dựng và mua sắm trang thiết bị thông tin; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xây dựng, mua sắm, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

9. Kiểm tra đôn đốc các sở, cơ quan tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

10. Chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm từng bước nâng cao năng lực dân sự trong hoạt động ứng phó thiên tai.

11. UBND cấp tỉnh thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai. Chủ tịch UBND cấp tỉnh Quyết định thành lập cơ quan quản lý Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc Quỹ; ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ; ủy quyền cho UBND cấp huyện, cấp xã trực thuộc tổ chức công tác thu Quỹ.

UBND cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc thu, chi Quỹ; chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ; chỉ đạo việc công khai Quỹ theo quy định của Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan.

Thực hiện các nội dung về Quỹ phòng chống thiên tai theo quy định.

1.2. TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

1. Chỉ đạo truyền tin thiên tai:

a) Chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh trên địa bàn được cảnh báo.

b) Hướng dẫn cụ thể nội dung và tần suất, thời lượng phát tin chỉ huy ứng phó thiên tai trên các hệ thống thông tin trên địa bàn.

Chỉ đạo Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, các Đài phát thanh huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai. Những nơi không có phát thanh, truyền thanh, truyền hình sử dụng các phương tiện, dụng cụ, hiệu lệnh truyền thống theo quy ước của địa phương để thông báo tới các hộ gia đình thuộc diện bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

c) Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, kiểm tra việc thực hiện các quy định về cung cấp thông tin của chủ các công trình hồ chứa theo quy định.

d) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan tuyên truyền, phổ biến kiến thức về thiên tai; dự báo, cảnh báo và truyền tin về thiên tai.

2. Triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai:

a) Quyết định lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai và điều kiện thực tế của địa bàn.



*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

+ Được quyền huy động các nguồn lực để ứng phó với thiên tai: Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng kiểm ngư, lực lượng vũ trang địa phương và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng chống thiên tai của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

+ Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 3: Chủ tịch UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền, triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 4: Chủ tịch UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm

quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại.

c) Tìm kiếm cứu nạn trong ứng phó với thiên tai: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh có trách nhiệm chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

d) Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT để hỗ trợ.

1.3. TRONG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

1. UBND cấp tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh có trách nhiệm các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, Điều 30, Luật Phòng, chống thiên tai:

a) Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

b) Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.



c) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất.

d) Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường;

đ) Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

e) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo việc thống kê đánh giá thiệt hại, xác định nhu cầu hỗ trợ, triển khai công tác khắc phục hậu quả và phục hồi tái thiết sau thiên tai.

3. UBND cấp tỉnh quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn lực của địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

4. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai để khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định về Quỹ phòng, chống thiên tai.

5. Tổ chức quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp của Nhà nước, tổ chức và cộng đồng để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

6. UBND cấp tỉnh ngay sau khi nhận được nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước có trách nhiệm phân bổ kịp thời, đúng đối tượng và chỉ đạo thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương.

1.4. TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ ĐÊ ĐIỀU VÀ HỘ ĐÊ

1. Tổ chức xây dựng, tu bổ, nâng cấp và kiên cố hóa đê điều, quản lý và bảo đảm an toàn đê điều trong phạm vi địa phương phù hợp với quy hoạch đê điều chung của cả nước, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống đê;

2. Chỉ đạo UBND cấp huyện phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa, bảo vệ, sử dụng đê điều và hộ đê;

3. Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu về đê điều trong phạm vi của tỉnh và tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về xây dựng và bảo vệ đê điều;

4. Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đê điều;

5. Thành lập lực lượng chuyên trách quản lý đê điều và lực lượng quản lý đê nhân dân;

6. Quản lý lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trên địa bàn tỉnh;



7. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đề điều trong phạm vi của địa phương;

8. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đề điều; xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đề điều; giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đề điều trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Theo khoản 2, Điều 21, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện.

2.1. TRONG PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và triển khai thực hiện pháp luật về phòng, chống thiên tai.

2. Tổ chức tập huấn cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

3. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch Phòng, chống thiên tai cấp huyện, lồng ghép nội dung

phòng chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống phát thanh, truyền thông và hệ thống thông tin truyền thông khác để thu thập, truyền và phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

5. Chỉ đạo, đôn đốc việc xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương gửi UBND cấp tỉnh để phối hợp chỉ đạo thực hiện; chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức tập huấn, diễn tập theo phương án được duyệt.

6. Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để giúp UBND chỉ huy và tổ chức công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định giao trách nhiệm cho một phòng chức năng thuộc UBND cấp huyện làm Văn phòng thường trực.

7. Lập kế hoạch xây dựng và mua sắm trang thiết bị thông tin; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xây dựng, mua sắm, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

8. Kiểm tra đôn đốc các cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai.

9. Tổ chức thu, nộp, thực hiện các nội dung về Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định.



2.2. TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

1. Chỉ đạo truyền tin thiên tai:

a) Chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên và cùng cấp trên địa bàn được cảnh báo.

b) Hướng dẫn cụ thể nội dung và tần suất, thời lượng phát tin chỉ huy ứng phó thiên tai trên các hệ thống thông tin trên địa bàn.

c) Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh; chỉ đạo các Đài phát thanh huyện, thị xã thực hiện các quy định truyền tin về thiên tai có liên quan trực tiếp đến địa phương. Những nơi không có phát thanh, truyền thanh, truyền hình sử dụng các phương tiện, dụng cụ, hiệu lệnh truyền thống theo quy ước của địa phương để thông báo tới các hộ gia đình thuộc diện bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

2. Triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai:

a) Quyết định lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai và điều kiện thực tế của địa bàn.

* Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1:

+ Trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng chống thiên tai cấp trên.

+ Được quyền huy động các nguồn lực để ứng phó với thiên tai: Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

* Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được quy định trong ứng phó với rủi ro thiên tai cấp độ 1;

+ Tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn;

+ Quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

* Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 3,4: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được quy định trong ứng phó với rủi ro thiên tai cấp độ 2 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương, tuân



thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

b) Chỉ đạo cơ quan chức năng tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại.

c) Tìm kiếm cứu nạn trong ứng phó với thiên tai: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện có trách nhiệm chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

d) Trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo, đề nghị lên UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai cấp trên hỗ trợ.

2.3. TRONG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

1. Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện có trách nhiệm các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, Điều 30, Luật Phòng, chống thiên tai:

a) Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

b) Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

c) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất.

d) Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường;

đ) Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

e) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

2. Chỉ đạo, kiểm tra, tổng hợp báo cáo công tác thống kê đánh giá thiệt hại, khắc phục hậu quả và phục hồi tái thiết sau thiên tai.

3. UBND cấp huyện quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn lực của địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

4. Tổ chức quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp của Nhà nước, tổ chức và cộng đồng để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

5. UBND cấp huyện ngay sau khi nhận được nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước có trách nhiệm phân bổ kịp thời, đúng đối tượng và chỉ đạo thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương.

2.4. TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ ĐỀ DIỆU VÀ HỘ ĐỀ

Chỉ đạo triển khai thực hiện một số nhiệm vụ chính như sau:



1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa đê điều và hộ đê trên địa bàn;
2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng, tu bổ, nâng cấp, kiên cố hóa, bảo vệ, sử dụng đê điều và hộ đê;
3. Tổng hợp, quản lý thông tin, dữ liệu đê điều trong phạm vi địa bàn huyện
4. Chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều trong phạm vi địa phương;
5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đê điều và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều;
6. Giải quyết theo thẩm quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều trong phạm vi địa phương;
7. Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các phương án hộ đê; tổ chức thực hiện việc hộ đê để bảo đảm an toàn đê điều, quyết định và tổ chức thực hiện việc di chuyển dân ra khỏi vùng nguy hiểm trên địa bàn huyện;
8. Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đê điều;

9. Hướng dẫn UBND cấp xã nơi có đê tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra canh gác đê trong mùa lũ; trang bị dụng cụ, sổ sách cho các đội tuần tra, canh gác đê;
10. Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên trách quản lý đê điều huấn luyện nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều, tuần tra, canh gác, hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê trong mùa lũ;
11. Hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng tuần tra, canh gác đê trong mùa lũ.

3. TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Theo khoản 2, Điều 22, Nghị định 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ, Chủ tịch UBND cấp xã là Trưởng ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp xã.

3.1. TRONG PHÒNG NGỪA THIÊN TAI

1. Tổ chức phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng hàng năm và triển khai thực hiện Luật Phòng, chống thiên tai và các quy định liên quan về phòng, chống thiên tai.



2. Xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai cấp xã; lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống phát thanh, truyền hình, truyền thông và hệ thống truyền tin khác để thu thập, truyền, phát tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

4. Xây dựng và phê duyệt phương án ứng phó thiên tai phù hợp với đặc điểm thiên tai của địa phương gửi UBND cấp huyện để phối hợp chỉ đạo thực hiện; chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức tập huấn, diễn tập theo phương án được phê duyệt.

5. Thành lập, tổ chức đào tạo, tập huấn và duy trì lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã với nòng cốt là lực lượng dân quân tự vệ và sự tham gia của Hội chữ thập đỏ, đoàn thanh niên và các tổ chức đoàn thể khác tại địa phương.

5. Tổ chức thực hiện Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

6. Quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

7. Quyết định thành lập Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã để giúp UBND chỉ huy

và tổ chức công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Ban được sử dụng con dấu của UBND cấp xã, sử dụng một số cán bộ chuyên môn của UBND cấp xã làm bộ phận thường trực.

8. Lập kế hoạch xây dựng và mua sắm trang thiết bị thông tin; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức xây dựng, mua sắm, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.

9. Kiểm tra đôn đốc tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện nhiệm vụ Phòng chống thiên tai.

10. Tổ chức thu, nộp, thực hiện các nội dung về Quỹ Phòng, chống thiên tai theo quy định.

3.2. TRONG ỨNG PHÓ THIÊN TAI

1. Chỉ đạo truyền tin cảnh báo thiên tai:

a) Chỉ đạo, tổ chức phổ biến kịp thời và chính xác đến cộng đồng và người dân các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, nội dung văn bản chỉ đạo, chỉ huy ứng phó thiên tai của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp trên và cùng cấp trên địa bàn được cảnh báo.

b) Hướng dẫn cụ thể nội dung và tần suất, thời lượng



phát tin chỉ huy ứng phó thiên tai trên các hệ thống thông tin trên địa bàn.

c) Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện, tuyên truyền, phổ biến đến từng cộng đồng dân cư để chủ động trong phòng ngừa, ứng phó và khắc phục thiệt hại do thiên tai trên địa bàn. Những nơi không có phát thanh, truyền thanh, truyền hình sử dụng các phương tiện, dụng cụ, hiệu lệnh truyền thống theo quy ước của địa phương để thông báo tới các hộ gia đình thuộc diện bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

2. Triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai:

a) Quyết định lựa chọn phương án, biện pháp và tổ chức thực hiện ứng phó phù hợp với diễn biến thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai và điều kiện thực tế của địa bàn.

*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 1:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng chống thiên tai cấp trên.

+ Được quyền huy động các nguồn lực để ứng phó với thiên tai: Dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân

trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện; vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

+ Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện hỗ trợ.

*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 2:

+ Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được quy định trong ứng phó với rủi ro thiên tai cấp độ 1;

+ Tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn.

*) Đối với rủi ro thiên tai cấp độ 3,4: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được quy định trong ứng phó với rủi ro thiên tai cấp độ 2 phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương, tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

b) Tổng hợp và báo cáo kịp thời tình hình thiệt hại do thiên tai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu thiệt hại.

c) Chủ động triển khai hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn; trường hợp vượt quá khả năng phải báo cáo, đề nghị UBND cấp huyện, Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp trên để hỗ trợ.



d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND, Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện hỗ trợ.

3.3. TRONG KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

1. Tổ chức thực hiện công tác khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn theo quy định tại khoản 1, Điều 30, Luật Phòng, chống thiên tai:

a) Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân.

b) Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả.

c) Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất.

d) Cung ứng vật tư, hàng hóa thiết yếu và thực hiện biện pháp quản lý giá, bình ổn thị trường;

đ) Thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

e) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng; tổ

chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

2. Quyết định sử dụng dự phòng ngân sách địa phương và các nguồn lực của địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

3. Tiếp nhận, quản lý, phân phối tiền, hàng cứu trợ khẩn cấp của Nhà nước, tổ chức và cộng đồng để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

4. UBND cấp xã ngay sau khi nhận được nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước có trách nhiệm phân bổ kịp thời, đúng đối tượng và chỉ đạo thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương.

3.4. TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO VỆ ĐÊ ĐIỀU VÀ HỘ ĐÊ

Tổ chức, thực hiện việc quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê trên địa bàn:

1. Ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều; trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan cấp trên.

2. Quản lý, bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác đê điều và hộ đê như: điểm canh đê; vật tư dự trữ chống lũ, lụt, bão; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng,...



3. Tiếp nhận, giải quyết các biên bản vi phạm, khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.

4. Tổ chức và trực tiếp quản lý, chỉ đạo lực lượng Quản lý đê nhân dân thuộc địa bàn.

5. Tham gia với cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống lụt, bão.

6. Khi có báo động lũ từ cấp I trở lên, huy động lực lượng lao động tại địa phương, lực lượng quản lý đê nhân dân thường trực trên các điểm canh đê, phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê tuần tra, canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đê điều.

7. Huy động kịp thời lực lượng, vật tư, phương tiện trên địa bàn để xử lý ngay giờ đầu sự cố đê điều; báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện trong trường hợp vượt quá khả năng.

8. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đê điều, hộ đê và vận động nhân dân thực hiện.



PHẦN II

TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN VÀ LỰC LƯỢNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐÊ



1. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRONG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Cá nhân, hộ gia đình trên địa bàn được xác định là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai.

2. Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tham gia vào hoạt động thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai; trang bị thiết bị tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai.

5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ủy ban quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Ban chỉ đạo Trung ương về

Phòng chống thiên tai đã có Quyết định số 196/TWPCTT ngày 28/12/2016 ban hành Tài liệu hướng dẫn “Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động phòng, chống thiên tai).

6. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động thực hiện biện pháp ứng phó thiên tai và tham gia ứng phó thiên tai theo sự điều động của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chấp hành quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp của cơ quan có thẩm quyền.

8. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chủ động tìm kiếm cứu nạn và có trách nhiệm tham gia tìm kiếm cứu nạn theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền.

9. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chủ động khắc phục hậu quả thiên tai đối với cơ sở hạ tầng, tài sản thuộc phạm vi quản lý; tham gia hỗ trợ hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo sự huy động của cơ quan có thẩm quyền.



10. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm báo cáo chính xác thiệt hại do thiên tai gây ra trong phạm vi quản lý với Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, cơ quan chủ quản.

11. Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với UBND nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong phòng chống thiên tai được quy định cụ thể trong Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 41 của Luật Phòng, chống thiên tai.

2. NHIỆM VỤ CỦA LỰC LƯỢNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU TRONG QUẢN LÝ, BẢO VỆ ĐÊ ĐIỀU VÀ HỘ ĐÊ

2.1. Nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách quản lý đê (Quy định tại Điều 38, Luật Đê điều)

1. Trực tiếp quản lý bảo vệ đê điều:

a) Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình trạng đê điều; lập hồ sơ lưu trữ, cập nhật các dữ liệu về đê điều;

b) Quản lý vật tư dự trữ chuyên dùng phục vụ công tác phòng, chống lũ, lụt, bão;

c) Phát hiện, có biện pháp ngăn chặn kịp thời và kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đê điều;

d) Tổ chức hướng dẫn về kỹ thuật, nghiệp vụ đối với lực lượng quản lý đê nhân dân;

e) Vận động tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ đê điều.

2. Tổ chức xử lý giờ đầu sự cố đê điều:

a) Tuần tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều;

b) Đề xuất phương án xử lý khẩn cấp giờ đầu sự cố đê điều;

c) Trực tiếp tham gia xử lý và hướng dẫn kỹ thuật xử lý sự cố đê điều;

d) Hướng dẫn xử lý kỹ thuật cho các lực lượng thực hiện nhiệm vụ hộ đê, phòng, chống lũ, lụt, bão.

3. Nhiệm vụ tham mưu, đề xuất về kỹ thuật, nghiệp vụ:

a) Xây dựng kế hoạch tu bổ đê điều hàng năm;



- b) Phương án hộ đê, phòng, chống lũ, lụt, bão;
 - c) Xử lý sự cố đê điều;
 - d) Chuẩn bị vật tư dự trữ trong nhân dân phục vụ hộ đê, phòng, chống lũ, lụt, bão;
 - e) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều.
4. Giám sát việc xây dựng, tu bổ, nâng cấp đê điều và các hoạt động có liên quan đến đê điều từ mọi nguồn vốn.
5. Tổ chức thực hiện việc sửa chữa nhỏ đê điều.
6. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về đê điều.

2.2. Nhiệm vụ của lực lượng quản lý đê nhân dân (Quy định tại Luật Đê điều và Thông tư 26/2009/TT-BNN)

1. Chấp hành sự phân công của UBND xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn của huyện và Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành đê điều.
2. Phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê điều trong việc thường xuyên kiểm tra, tuần tra, canh gác bảo vệ đê điều thuộc địa bàn, tham gia xử lý sự cố đê điều.

3. Kiểm tra, phát hiện, báo cáo kịp thời tình trạng đê điều, các diễn biến hư hỏng, sự cố đê điều.
4. Phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.
5. Lập biên bản, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều.
6. Tham gia với cơ quan chuyên môn xây dựng phương án hộ đê, phòng, chống lụt, bão.
7. Tham gia quản lý và bảo vệ cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ công tác quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê như: điểm canh đê; vật tư dự trữ chống lũ, lụt, bão; biển báo đê điều; cột chỉ giới; cây chắn sóng bảo vệ đê và các công trình phụ trợ khác.
8. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đê điều, vận động nhân dân thực hiện pháp luật về đê điều.
9. Thường trực trên các điểm canh đê khi có báo động lũ từ cấp I trở lên, phối hợp với lực lượng chuyên trách quản lý đê tuần tra, canh gác, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đê điều.



3. XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ĐÊ ĐIỀU

3.1. Xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và đê điều

1. Cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và đê điều thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức vi phạm pháp luật về phòng, chống thiên tai và đê điều thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoạt động; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3.2. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (Quy định tại Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định 104/2017/NĐ-CP)

1. Vi phạm làm cản trở sự vận hành và làm hư hại công trình phòng, chống thiên tai, trừ công trình khí tượng, thủy văn

a) Cản trở sự vận hành của công trình phòng chống

thiên tai: phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

b) Neo đậu không đúng nơi quy định của tàu thuyền và các phương tiện khác vào công trình phòng, chống thiên tai: phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng.

c) Cố ý sử dụng sai mục đích của công trình phòng, chống thiên tai: phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

d) Lấn chiếm bãi sông, lòng sông; khai thác trái phép cát, sỏi, khoáng sản làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục: phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, nộp lại số lợi bất hợp pháp.

đ) Làm hư hại công trình phục vụ phòng chống thiên tai: phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

2. Vi phạm quy định trong triển khai ứng phó với thiên tai

a) Hành vi cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai của cơ quan hoặc



người có thẩm quyền: phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng.

b) Hành vi chống đối hoặc cản trở việc thực hiện chỉ đạo, chỉ huy phòng chống thiên tai, quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó khẩn cấp thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền: phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

c) Hành vi cố ý giấu hoặc cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của phương tiện tàu, thuyền đang hoạt động trên biển, trên sông, trên hồ cho chính quyền địa phương, cơ quan chức năng khi có thiên tai: phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

3. Vi phạm quy định về cứu hộ, cứu nạn trong phòng, chống thiên tai

a) Hành vi không chủ động cứu giúp hoặc không thông tin kịp thời để lực lượng khác đến ứng cứu người, phương tiện bị nạn trên biển, sông, suối, ao, hồ khi có điều kiện mà không thực hiện: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

b) Hành vi yêu cầu cấp cứu khẩn cấp nhưng không

hợp tác khi lực lượng cứu hộ tiếp cận gây lãng phí cho cơ quan cứu hộ: phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

4. Vi phạm quy định trong khắc phục hậu quả thiên tai

a) Hành vi cố ý kê khai, báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra: phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do hành vi vi phạm.

b) Hành vi sử dụng sai mục đích, làm thất thoát tiền, hàng cứu trợ và cứu trợ không đúng đối tượng, cứu trợ không kịp thời: phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; buộc nộp lại số tiền, hàng hóa hoặc số tiền bằng giá trị hàng hóa đối với hành vi vi phạm.

5. Hành vi không thực hiện nội dung về bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp khu đô thị, điểm dân cư nông thôn và công trình hạ tầng kỹ thuật:

Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; buộc thực hiện các nội dung đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai.



6. Vi phạm về xây dựng và thực hiện phương án ứng phó thiên tai

a) Không gửi phương án ứng phó thiên tai đã được phê duyệt đến UBND địa phương có liên quan trên địa bàn và cơ quan cấp trên: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

b) Không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

c) Không xây dựng, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai: phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

7. Vi phạm về đóng góp vào Quỹ phòng chống thiên tai

a) Đóng thiếu quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm: phạt tiền bằng số tiền phải đóng góp còn thiếu theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng; buộc đóng góp quỹ phòng, chống thiên tai theo mức quy định.

b) Đóng chậm quỹ phòng, chống thiên tai hàng năm: phạt tiền gấp 1,5 lần mức phải đóng góp theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng; buộc đóng góp quỹ phòng, chống thiên tai theo mức quy định.

c) Không đóng quỹ phòng, chống thiên tai: phạt tiền gấp 2,0 lần mức phải đóng góp theo từng đợt nhưng tối thiểu là 50.000 đồng, tối đa không quá 50.000.000 đồng; buộc đóng góp quỹ phòng, chống thiên tai theo mức quy định.

8. Vi phạm của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai tại Việt Nam.

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động không đúng nội dung đã đăng ký, hoạt động phòng, chống thiên tai không có giấy đăng ký hoặc giấy đăng ký đã hết hạn, trừ tình huống cấp bách.

3.3. Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đề điều, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả (Quy định tại Luật Đề điều và Nghị định 104/2017/NĐ-CP)



1. Hành vi cuốc, xới, rẫy cỏ trên mái đê, cơ đê và mặt đê: phạt tiền từ 100.000 - 300.000 đồng.

2. Phá hoại cây chắn sóng bảo vệ đê:

Phạt tiền tiền từ 500.000 - 3.000.000 đồng; tịch thu phương tiện vi phạm và buộc phải trồng khôi phục tình trạng ban đầu.

3. Đổ chất thải trong phạm vi bảo vệ đê điều, ở bãi sông, lòng sông:

Phạt tiền tiền từ 500.000 - 5.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

4. Để vật liệu trên đê:

Phạt tiền tiền từ 500.000 - 3.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

5. Chiếm dụng, sử dụng hoặc di chuyển trái phép đất, đá, cát, sỏi thuộc vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão:

Phạt tiền tiền từ 500.000 - 3.000.000 đồng và phải bồi hoàn vật tư đã chiếm dụng.

6. Gieo trồng các loại cây hoa màu, cây lâu năm trên đê; trồng cây lâu năm trong hành lang bảo vệ đê:

Phạt tiền từ 500.000 - 1.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

7. Để vật liệu ở bãi sông, lòng sông gây cản trở dòng chảy, thoát lũ và trong hành lang bảo vệ đê điều:

Phạt tiền từ 1.000.000 - 60.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

8. Đào ao, giếng trong phạm vi bảo vệ đê điều:

Phạt tiền từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng; tịch thu phương tiện vi phạm và buộc phải khôi phục tình trạng ban đầu.

9. Đào, bặt, xẻ mặt đê, mái đê, cơ đê và chân đê:

Phạt tiền từ 1.000.000 - 3.000.000 đồng và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

10. Sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng vượt quá tải trọng cho phép đi trên đê; sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng đi trên đê khi có biển cấm trong trường hợp đê có sự cố hoặc có lũ, lụt, bão:

Phạt tiền từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng mỗi lần vi phạm.



11. Xây dựng công trình, nhà ở trong phạm vi bảo vệ đê điều; khai thác đất, đá, cát sỏi, khoáng sản trong phạm vi bảo vệ đê điều.

Phạt tiền từ 50.000.000 - 60.000.000 đồng; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm, tịch thu phương tiện vi phạm và buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

12. Xây dựng nhà, công trình trái phép tại bãi sông nơi chưa có công trình xây dựng.

Phạt tiền từ 5.000.000 - 60.000.000 đồng; buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

13. Mở rộng diện tích mặt bằng xây dựng khi sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở hiện có trong phạm vi bảo vệ đê điều và ở bãi sông.

Phạt tiền từ 5.000.000 - 30.000.000 đồng; buộc tháo dỡ phần công trình, nhà ở trên diện tích mặt bằng mở rộng.

14. Nổ, phá gây nguy hại đến thân đê.

Phạt tiền từ 80.000.000 - 100.000.000 đồng, buộc khôi phục tình trạng ban đầu.

15. Vi phạm về xây dựng, cải tạo công trình giao thông liên quan đến đê điều quy định tại Khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều.

Phạt tiền từ 30.000.000 - 50.000.000 đồng, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

16. Chiếm dụng, sử dụng, di chuyển trái phép hoặc làm hư hỏng công trình phụ trợ đê điều.

Phạt tiền từ 3.000.000 - 5.000.000 đồng, buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

17. Vi phạm quy định trong giấy phép, văn bản chấp thuận cho các hoạt động liên quan đến đê điều.

Phạt tiền từ 5.000.000 - 50.000.000 đồng; tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn từ 01 - 03 tháng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

18. Vi phạm quy định trong việc huy động nguồn lực để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều.

Phạt tiền từ 5.000.000 - 10.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện Quyết định của người có thẩm quyền trong việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đê, cứu hộ các công trình có liên quan đến an toàn đê điều.



SỔ TAY

TRÁCH NHIỆM, NHIỆM VỤ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU

19. Vận hành trái quy chuẩn kỹ thuật đối với công trình phân lũ, làm chậm lũ, cống qua đê, tràn sự cố, cửa khẩu, trạm bơm, âu thuyền trong phạm vi bảo vệ đề điều.

Phạt tiền từ 20.000.000 - 30.000.000 đồng.

